TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Đ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Kim Anh

2. Ông Trần Phi Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên toà: ông Trương Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HN ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B Sinh năm: 1966 (có mặt)

HKTT: Khối Q, phường Điện NT, thị xã Đ, Quảng Nam

Chổ ở: Khối 2A, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

+ Bị đơn: Ông Đặng Hữu D Sinh năm: 1969 (có mặt)

HKTT: Khối Q, phường Điện NT, thị xã Đ, Quảng Nam

Chổ ở: Khối 2A, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị X Sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Bà Đặng Thị M Sinh năm: 2004 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khối 2A, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Phạm Thị B trình bày:

Bà và ông Đặng Hữu D kết hôn vào ngày 11/3/1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện N (nay là UBND phường Điện N), thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Kết hôn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D ăn nhậu, quậy phá, đánh đập vợ nên bà đã ra ngoài thuê trọ ở riêng hơn một năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Đặng Hữu D.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đặng Hữu L, sinh năm: 1990; Đặng Thị X, sinh năm: 1994 và Đặng Thị M, sinh năm: 2004. Các con hiện nay đã trưởng thành và có công việc.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung gồm Nhà và đất tại thửa đất số 1707, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Khối phố 2A, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nhà xây dựng năm 1995; nhà và đất là tài sản chung của bà B, ông D, bà X, bà M. Nay ly hôn, bà yêu cầu giải quyết tài sản chung theo pháp luật.

Về nợ chung: không có.

Đối với kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản, bà hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì.

Về chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 9.400.000đ, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà B không có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Đặng Hữu D trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn, ông D hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà B, không bổ sung gì thêm. Về mâu thuẫn xảy ra là do bà B không tin tưởng, nghi ngờ ông có quan hệ bất chính với người khác nên thường xuyên gây gỗ. Vì vậy, bà B dẫn con đi thuê trọ sống khoảng 1 năm nay. Nay bà B làm đơn ly hôn thì ông thấy tình cảm không còn nữa nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung như lời trình bày của bà B. Các con hiện nay đã trưởng thành và có công việc.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung gồm 01 ngôi nhà xây trên đất tại thửa 1707, tờ bản đồ số 5 ở khối 2A, phường Điện N,thị xã Đ, đây là tài sản chung của 4 người gồm ông, bà B và 2 con là X và M. Nay ly hôn, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, ông đề nghị chia đôi phần diện tích đất, phần tài sản trên đất của ai thì người đó nhận, không yêu cầu thối trả giá trị nếu có sự chênh lệch.

Về nợ chung: không có.

Đối với kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản, ông hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì.

Về chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 9.400.000đ (bà B đã nộp), ông đồng ý trả lại cho bà B số tiền 4.700.000đ.

Ngoài ra ông không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị X trình bày:

Bà là con của ông Đặng Hữu D và bà Phạm Thị B. Hiện nay bà đã trưởng thành và có gia đình riêng nên việc ba mẹ ly hôn thì để ba mẹ tự quyết định.

Về tài sản chung: 01 ngôi nhà xây trên đất tại thửa 1707, tờ bản đồ số 5 ở khối 2A, phường Điện N,thị xã Đ thì bà được biết là do bà ngoại tên Phạm Thị Cúc mua cho gia đình nên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên 4 người gồm ba D, mẹ B và 2 con là bà X và em Đặng Thị M. Nay bà B làm đơn xin ly hôn và có yêu cầu chia tài sản chung trong đó có ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tại thửa 1707, tờ bản đồ số 5 thì bà không nhận phần tài sản này mà bà cho phần tài sản của bà trong khối tài sản chung cho ba mẹ là ông Đặng Hữu D và bà Phạm Thị B để ba mẹ tự chia. Bà không có quyền gì trong khối tài sản chung này nữa.

Ngoài ra bà không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị M trình bày:

Bà là con của ông Đặng Hữu D và bà Phạm Thị B. Hiện nay bà đã trưởng thành và có công việc nên việc ba mẹ ly hôn thì để ba mẹ tự quyết định.

Về tài sản chung: 01 ngôi nhà xây trên đất tại thửa 1707, tờ bản đồ số 5 ở khối 2A, phường Điện N,thị xã Đ thì bà được biết là do bà ngoại tên Phạm Thị Cúc mua cho gia đình nên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên 4 người gồm ba D, mẹ B và 2 con là bà và chị Đặng Thị X. Nay mẹ bà làm đơn xin ly hôn và có yêu cầu chia tài sản chung trong đó có ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tại thửa 1707, tờ bản đồ số 5 thì bà không nhận phần tài sản này mà cho phần tài sản của tôi trong khối tài sản chung cho ba mẹ là ông Đặng Hữu D và bà Phạm Thị B để ba mẹ tự chia. Bà không có quyền gì trong khối tài sản chung này nữa.

Ngoài ra bà không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Đại diện VKSND thị xã Đ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thuận tình ly hôn. Về con chung: các con đã trưởng thành. Về tài sản chung: đề nghị giao phần đất có ngôi nhà cho ông Đặng Hữu D được quyền sử dụng, giao phần đất trống cho bà Phạm Thị B được quyền sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung giữa nguyên đơn bà Phạm Thị B và bị đơn ông Đặng Hữu D. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: Khối 2A, phường Điện N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị B và ông Đặng Hữu D có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì cả hai không còn tình cảm, ông D có gây gỗ với vợ dẫn đến bà B dọn ra ngoài sống. Ông D cho rằng bà B không tin tưởng chồng, hay ghen tuông, nghi ngờ dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Vì vậy, ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đồng ý ly hôn. HĐXX thấy rằng: thực tế vợ chồng bà B ông D đã không còn tình cảm, không còn sống chung cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật HN & GĐ, cho bà Phạm Thị B được ly hôn ông Đặng Hữu D là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung**:** Bà B và ông D có 03 con chung là Đặng Hữu L, sinh năm: 1990; Đặng Thị X, sinh năm: 1994 và Đặng Thị M, sinh năm: 2004. Hiện nay các con đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà B, ông D, bà X, bà M xác định trong thời kỳ hôn nhân của ông D và bà B đã tạo lập khối tài sản chung gồm 01 ngôi nhà xây trên đất tại thửa 1707, tờ bản đồ số 5 ở khối 2A, phường Điện N, thị xã Đ và một số cây cối, vật kiến trúc.

Qua đo đạc thực tế thì thửa đất số 1707, tờ bản đồ số 5 có diện tích 563,3m^2, đủ so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự thừa nhận thửa đất được sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề, hiện trạng thửa đất không thay đổi. Các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến, khiếu nại gì về kết quả đo đạc, định giá tài sản.

Qua xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản xác định trên đất tranh chấp có 01 ngôi nhà trệt, móng trụ dầm, giằng bê tông cốt thép; hiên bê tông cốt thép, mái ngói, nền gạch men, tường trái quét vôi màu, gác lửng BTCT, ô tơ 4,2m có giá trị: 143.707.820đ, sân bê tông ó giá trị: 4.680.000đ, 01 chuồng heo tường xây gạch lưởng, mái ngói, nền xi măng, diện tích 28,5m^2 giá trị 11.214.750đ, 01 nhà vệ sinh tường xây gạch, mái bê tông cốt thép, bể nước xây, bể tự hoại, tường ốp gạch men, nền gạch men, diện tích 3,5m^2 có giá trị 8.270.500đ; 01 chuồng gà, chuồng dê có kết cầu đơn giản, diện tích 13,2m^2, giá trị 504.240đ; 07 cây mai, giá trị 1.400.000đ; 01 cây đu đủ, giá trị 50.000đ; 01 cây mít, giá trị 800.000đ; 02 cây bưởi, giá trị 400.000đ; 02 cây khế đã có quả, giá trị 250.000đ; 01 cây ngâu chưa có bông, giá trị 26.000đ; 01 bụi dừa nước đang thu hoạch, giá trị 20.000đ; 01 cây bình bát, đường kính 2cm giá trị 50.000đ; 01 cây lêkima chưa có quả, giá trị 150.000đ; 01 cây ngũ trầy, giá trị 3.000đ; 01 bụi tre đã có măng, giá trị 300.000đ; 01 cây lộc vừng giá trị 350.000đ; 01 cây vối giá trị 250.000đ; 01 bụi trang, giá trị 100.000đ.

Bà Đặng Thị X và bà Đặng Thị M thống nhất tài sản như đã trình bày. Bà X và bà M đồng ý chia tài sản chung và không nhận tài sản nếu được chia, đồng ý chia hết khối tài sản chung cho ba mẹ, không có tranh chấp gì. Ý kiến của bà X, bà M là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được xem xét chấp nhận. Như vậy, khối tài sản chung được chia cho ông D và bà B.

Tại phiên tòa, bà B và ông D yêu cầu giải quyết tài sản chung theo pháp luật, đề nghị chia đôi phần diện tích đất, phần tài sản trên đất của ai thì người đó nhận, không yêu cầu thối trả giá trị nếu có sự chênh lệch. Do phần có vị trí ngôi nhà có diện tích lớn hơn so với diện tích đất trống nên bà B và ông D đồng ý chia đất theo hiện trạng. Vị trí có ngôi nhà có diện tích 299,4m^2, phần vị trí đất trống có diện tích 263,9m^2. Các đương sự thống nhất chia như sau: phần bà B nhận phần đất trống có vật kiến trúc, cây cối, diện tích 263,9m^2, phần ông D nhận phần đất có ngôi nhà và vật kiến trúc, cây cối diện tích 299,4m^2, các bên không phải thối trả giá trị cho bên còn lại.

Ý kiến của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận. Do đó, có cơ sở giao phần đất có diện tích 299,4m^2, giá trị 1.796.400.000đ cho ông D được nhận, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường bê tông 3m có chiều dài 10,72m
- Phía Đông giáp thửa ODT 155, có chiều dài 31,18m
- Phía Tây giáp phần bà B được nhận, có chiều dài 31,99m
- Phía Nam giáp thửa HNK, có chiều dài: 8,29m

Trên phần đất 299,4m^2 đất này có tài sản gồm: 01 ngôi nhà trệt, móng trụ dầm, giằng bê tông cốt thép; hiên bê tông cốt thép, mái ngói, nền gạch men, tường trái quét vôi màu, gác lửng BTCT, ô tơ 4,2m có giá trị: 143.707.820đ, một phần sân bê tông, diện tích 64,8m^2 có giá trị: 4.212.000đ, 01 chuồng heo tường xây gạch lưởng, mái ngói, nền xi măng, diện tích 28,5m^2 giá trị 11.214.750đ, 01 nhà vệ sinh tường xây gạch, mái bê tông cốt thép, bể nước xây, bể tự hoại, tường ốp gạch men, nền gạch men, diện tích 3,5m^2 có giá trị 8.270.500đ; 06 cây mai có giá trị 1.200.000đ, 01 bụi trang, giá trị 100.000đ; 02 cây khế đã có quả, giá trị 250.000đ; 1 cây bưởi có giá trị: 200.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất: 169.155.070đ (một trăm sáu mươi chín triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi đồng).

Giao phần đất có diện tích 263,9m^2 có giá trị 1.583.400.000đ (một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng) cho bà B được nhận, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường bê tông 3m có chiều dài 8,2m
- Phía Đông giáp phần ông D được nhận, có chiều dài 31,99m
- Phía Tây giáp thửa ODT 1706, có chiều dài 32,6m
- Phía Nam giáp thửa HNK, có chiều dài: 8,2m

Trên phần đất 263,9m^2 đất này có tài sản gồm: một phần sân bê tông, diện tích 7,2m^2 có giá trị: 468.000đ; 01 chuồng gà, chuồng dê có kết cấu đơn giản, diện tích 13,2m^2, giá trị 504.240đ; 01 cây mai, giá trị 200.000đ; 01 cây đu đủ, giá trị 50.000đ;

01 cây mít, giá trị 800.000đ; 01 cây bưởi, giá trị 400.000đ; 01 cây ngâu chưa có bông, giá trị 26.000đ; 01 bụi dừa nước đang thu hoạch, giá trị 20.000đ; 01 cây bình bát, đường kính 2cm giá trị 50.000đ; 01 cây leekima chưa có quả, giá trị 150.000đ; 01 cây ngũ trẩy, giá trị 3.000đ; 01 bụi tre đã có măng, giá trị 300.000đ; 01 cây lộc vừng giá trị 350.000đ; 01 cây vối giá trị 250.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất: 3.571.240đ

Các đương sự thống nhất không thối trả giá trị chênh lệch phần tài sản được nhận nên HĐXX không xem xét.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 9.400.000đ (bà B đã nộp), các đương sự thống nhất ông D trả lại cho bà B số tiền 4.700.000đ nên HDXX chấp nhận. Buộc ông D có trách nhiệm trả lại cho bà B số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 4.700.000đ.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà B, ông D là người nhận tài sản được chia nên phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 56; Điều 59; 62 Luật HN&GĐ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị B được ly hôn ông Đặng Hữu D.

2/ Về con chung: 03 con chung là Đặng Hữu Lộc, sinh năm: 1990; Đặng Thị X, sinh năm: 1994; Đặng Thị M, sinh năm: 2004. Hiện nay các con đã trưởng thành

3/ Về tài sản chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị X và bà Đặng Thị M về việc từ chối nhận tài sản được chia trong khối tài sản chung.

Chia tài sản chung của ông Đặng Hữu D, bà Phạm Thị B, bà Đặng Thị X và bà Đặng Thị M như sau:

Ông Đặng Hữu D được quyền sử dụng đất có diện tích 299,4m^2, loại đất ở thuộc một phần thửa đất số 1707, tờ bản đồ số 5 ở khối 2A, phường Điện N có giá trị 1.796.400.000đ (một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường bê tông 3m có chiều dài 10,72m

- Phía Đông giáp thửa ODT 155, có chiều dài 31,18m
- Phía Tây giáp phần bà B được nhận, có chiều dài 31,99m
- Phía Nam giáp thửa HNK, có chiều dài: 8,29m

Trên phần đất 299,4m^2 đất này có tài sản gồm: 01 ngôi nhà trệt, móng trụ dầm, giằng bê tông cốt thép; hiên bê tông cốt thép, mái ngói, nền gạch men, tường trái quét vôi màu, gác lửng BTCT, ô tơ 4,2m có giá trị: 143.707.820đ, một phần sân bê tông, diện tích 64,8m^2 có giá trị: 4.212.000đ, 01 chuồng heo tường xây gạch lưởng, mái ngói, nền xi măng, diện tích 28,5m^2 giá trị 11.214.750đ, 01 nhà vệ sinh tường xây gạch, mái bê tông cốt thép, bể nước xây, bể tự hoại, tường ốp gạch men, nền gạch men, diện tích 3,5m^2 có giá trị 8.270.500đ; 06 cây mai có giá trị 1.200.000đ, 01 bụi trang, giá trị 100.000đ; 02 cây khế đã có quả, giá trị 250.000đ; 1 cây bưởi có giá trị: 200.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất: 169.155.070đ (một trăm sáu chín triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi đồng).

Bà Phạm Thị B được quyền sử dụng đất có diện tích 263,9m^2, loại đất ở thuộc một phần thửa đất số 1707, tờ bản đồ số 5 ở khối 2A, phường Điện N có giá trị 1.583.400.000đ (một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng), có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường bê tông 3m có chiều dài 8,2m
- Phía Đông giáp phần ông D được nhận, có chiều dài 31,99m
- Phía Tây giáp thửa ODT 1706, có chiều dài 32,6m
- Phía Nam giáp thửa HNK, có chiều dài: 8,2m

Trên phần đất 263,9m^2 đất này có tài sản gồm: một phần sân bê tông, diện tích 7,2m^2 có giá trị: 468.000đ; 01 chuồng gà, chuồng dê có kết cầu đơn giản, diện tích 13,2m^2, giá trị 504.240đ; 01 cây mai, giá trị 200.000đ; 01 cây đu đủ, giá trị 50.000đ; 01 cây mít, giá trị 800.000đ; 01 cây bưởi, giá trị 400.000đ; 01 cây ngâu chưa có bông, giá trị 26.000đ; 01 bụi dừa nước đang thu hoạch, giá trị 20.000đ; 01 cây bình bát, đường kính 2cm giá trị 50.000đ; 01 cây lêkima chưa có quả, giá trị 150.000đ; 01 cây ngũ trẩy, giá trị 3.000đ; 01 bụi tre đã có măng, giá trị 300.000đ; 01 cây lộc vừng giá trị 350.000đ; 01 cây vối giá trị 250.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất: 3.571.240đ

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Hữu D phải trả cho bà Phạm Thị B 4.700.000đ tiền chi phí đo dạc, xem xét, thẩm định tại chổ và định giá tài sản.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 50.609.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 12.300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000218 ngày

11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ. Bà Phạm Thị B còn phải nộp 38.609.000đ tiền án phí.

Ông Đặng Hữu D phải chịu 70.966.000đ tiền án phí chia tài sản chung.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án gởi đến.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND p. Điện N ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân